

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường;

Ông Huỳnh Văn Luật.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 và 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 23/2024/TLPT-LĐ ngày 25/11/2024 về việc “*tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”; do Bản án lao động sơ thẩm số 05/2024/LĐ-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2025/QĐ-PT ngày 02/01/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐPT-LĐ ngày 18/02/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Hồng L, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: số I, khu A, đường B, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: A5D, nhà ở xã H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bảo A, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh và/hoặc bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1999; địa chỉ: số nhà C, tổ B, ấp D, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; cùng địa chỉ liên hệ: số F, đường P, khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 27/10/2023). Ông A có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1; địa chỉ: số H V, đường H, Khu Công nghiệp V - S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1997; địa chỉ: số E, Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 29/10/2024). Bà Y có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Tiến Thiên T, Luật sư của Văn phòng P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: số E, Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ông T có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Choi Kyung S, sinh năm 1968; số hộ chiếu: M415A4251 cấp ngày 27/4/2023; địa chỉ liên lạc: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1, số H V, đường H, Khu Công nghiệp V - S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1988 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Công ty TNHH S1, số H V, đường H, Khu Công nghiệp V - S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L và đại diện nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 07/8/2020, bà Dương Thị Hồng L ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 15/HDLĐ_08/2020 với Công ty TNHH S1 (sau đây gọi là Công ty Sejin hoặc Công ty), vị trí làm việc là nhân viên kế toán bán hàng, thời gian làm việc 12 giờ/ngày, 72 giờ/tuần, tăng ca theo thỏa thuận giữa Công ty và người lao động; mức lương 6.778.360 đồng (thưởng chuyên cần 300.000 đồng, trách nhiệm công việc, phụ cấp 700.000 đồng; hỗ trợ điện thoại 300.000 đồng, hỗ trợ xăng xe 300.000 đồng; phụ cấp độc hại 200.000 đồng; hỗ trợ nhà ở 300.000 đồng; hỗ trợ nuôi con 200.000 đồng; hỗ trợ cơm 25.000 đồng); tiền lương được trả vào ngày 05 hàng tháng; tiền thưởng: làm việc 01 năm trở lên được hưởng lương cơ bản tháng 13. Trong quá trình làm việc bà L đều hoàn thành nhiệm vụ và chưa từng bị xử lý kỷ luật lao động. Tuy nhiên, ngày 26/11/2022 bà L nhận được văn bản thể hiện nội dung của Công ty do ông Choi Kyung S ký tên đóng dấu cho bà L nghỉ việc, trong đó có nội dung như sau: Công việc chính thức sẽ được kết thúc cho đến hết ngày 30/11/2022; Công ty cho bà L nghỉ việc không phải vì vấn đề cá nhân của bà L mà là nghỉ việc do quyết định của Tổng Giám đốc Công ty. Công ty trả thêm cho bà L 45 ngày lương cơ bản vào ngày 10/12/202 sau khi đã bàn giao toàn bộ công việc liên quan đến khách hàng, thông tin khách hàng, công nợ hàng tháng và toàn bộ chứng từ liên quan đến công việc.

Bà L nhận thấy đây là quyết định đơn phương của Công ty cho bà L nghỉ việc, cho dù trước đó bà L không có thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hay Công ty có bất kỳ thông báo về việc chấm dứt hợp đồng với bà L. Khi đó, bà L có yêu cầu Công ty phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với bà L khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và ông Choi Kyung S cũng

đã hứa sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Đến ngày 29/11/2022, Công ty yêu cầu bà L phải bàn giao toàn bộ công việc mà bà L đang phụ trách cho người khác và thông báo kể từ ngày 01/12/2022 bà L không được đến Công ty để làm việc nữa.

Bà L không biết vì lý do gì, đến chiều ngày 01/12/2022 nhân viên Công ty (là bà Lê Thị T1) nhắn tin yêu cầu bà L đến Công ty để làm việc nhưng khi bà L đến thì Công ty yêu cầu bà L viết đơn xin nghỉ việc hoặc ký biên bản thỏa thuận nghỉ việc. Nhận thấy Công ty đang cố tình hợp thức hóa các hồ sơ để cho bà L nghỉ việc trái pháp luật nên bà L không đồng ý.

Đến ngày 07/12/2022, Công ty gửi cho bà L bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động và bản quyết toán nghỉ việc. Nội dung bản thỏa thuận là đền bù cho bà L 1,5 tháng lương cơ bản. Sau đó bà L biết được Công ty cũng đã thực hiện việc cắt giảm đóng BHXH, BHYT, BHTN và chốt sổ BHXH vào ngày 02/12/2022 cho bà L mặc dù giữa bà L và Công ty chưa giải quyết xong các chế độ khi bắt bà L nghỉ việc.

Nhận thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm, bà L đã gửi đơn đến Phòng L1 (nay là thành phố) Tân Uyên để yêu cầu giải quyết. Ngày 20/02/2023, Phòng L1 (nay là thành phố) Tân Uyên hòa giải với kết quả không thành.

Việc Công ty S1 ép bà L nghỉ việc trái với nguyện vọng của bà L và không giải quyết chế độ cho bà L theo quy định pháp luật là trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động 2019 và cũng không thông báo trước cho bà L biết nên Công ty cũng đã vi phạm thời gian báo trước theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động 2019.

Trước đây, bà L đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên nhưng sau đó vì chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ đầy đủ nên bà L đã rút đơn khởi kiện, Tòa án ban hành Quyết định đình chỉ số 24/2023/QĐST-LĐ ngày 16/10/2023.

Đối với thông báo ngày 07/12/2022; ngày 19/12/2022 của Công ty, bà L nhận được qua zalo nhưng vì Công ty hẹn đến để bàn giao công việc cho bà L nghỉ việc nên bà L đã không đến Công ty.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giải quyết những vấn đề sau: Buộc Công ty Sejin bồi thường cho bà Dương Thị Hồng L các khoản tiền sau do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

- Tiền lương những ngày bà L không được làm việc từ ngày 01/12/2022 đến khi vụ án được giải quyết xong, tạm tính là 11 tháng, mức lương trung bình tại thời điểm bị nghỉ việc là 10.478.360 đồng, cụ thể: $11 \times 10.478.360 \text{ đồng} = 115.261.960 \text{ đồng}$.

- Trường hợp Công ty không nhận bà L trở lại làm việc thì bồi thường ít nhất 02 tháng tiền lương là 20.956.720 đồng.

- Buộc Công ty T2 đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ ngày 01/12/2022 đến khi vụ án được giải quyết xong.

- Tiền do vi phạm thời gian báo trước 45 ngày là 18.135.623 đồng.
- Tiền lương tháng 13 theo hợp đồng lao động do bà L làm việc trên 01 năm là 10.478.360 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu 164.832.663 đồng.

Công ty đã chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L đến hết tháng 12/2022 và bà L đã nhận sổ bảo hiểm xã hội từ Công ty vào ngày 16/02/2023.

Tại phiên toà, nguyên đơn rút yêu cầu đối với việc yêu cầu Công ty nhận trở lại làm việc và yêu cầu các nội dung sau:

+ Tiền lương những ngày bà L không được làm việc từ ngày 01/12/2022 cho đến khi vụ án được giải quyết xong, tạm tính đến ngày (19/8/2024) là 20 tháng 20 ngày x 10.300.000 đồng = 213.923.076 đồng;

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương: 02 tháng x 10.300.000 đồng = 20.600.000 đồng;

+ Tiền lương tháng 13 là 10.300.000 đồng;

+ Tiền do vi phạm thời gian báo trước 45 ngày không báo trước: 15.450.000 đồng;

+ Buộc Công ty T2, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà L từ ngày 01/12/2022 cho đến ngày 19/8/2024.

Tổng số tiền yêu cầu là 260.273.076 đồng.

* *Đại diện bị đơn trình bày:* Thống nhất về trình bày của nguyên đơn giữa bà L và Công ty S1 có ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 15/HDLĐ_08/2020 ngày 07/8/2020. Trong quá trình làm việc tại Công ty thì không xảy ra vấn đề gì. Tuy nhiên, khoảng tháng 11/2022, giám đốc đại diện là ông Choi Kyung S biết được bà N1 (là em gái của bà L) đang làm việc tại Công ty S2 là đối thủ cạnh tranh của Công ty S1. Do đó, Công ty và bà L đã thỏa thuận với nhau về việc chấm dứt hợp đồng lao động nên cùng ngày 26/11/2022, ông Choi Kyung S có đưa cho bà L văn bản không ghi ngày tháng năm với nội dung: Bà L sẽ kết thúc công việc vào ngày 30/11/2022 và Công ty sẽ hỗ trợ cho bà L 45 ngày lương, bà L không phải đến Công ty làm việc thay vì phải báo trước 45 ngày cho người lao động trước khi nghỉ việc. Sau khi thỏa thuận thì bà L đồng ý và đã bàn giao công việc trong vòng 03 ngày, tức là ngày 30/11/2022, bà L đã bàn giao công việc cho bà Lê Thị V (quản lý bán hàng).

Ngày 30/11/2022, Công ty yêu cầu bà L hỗ trợ bàn giao công việc trước khi nghỉ và ký thủ tục thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động nhưng bà L không đồng ý ký và bỏ về. Ngày 01/12/2022, Công ty có liên lạc với bà L yêu cầu bà L quay lại làm việc nếu chưa hoàn tất thủ tục bàn giao và ký vào biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng nhưng bà L không quay lại. Ngày 05/12/2022, Công ty (bà T1) liên hệ qua điện thoại với bà L yêu cầu bà L đưa ra phương án thỏa thuận quay lại Công ty làm việc nhưng bà L không quay lại, bà L nhờ Công ty gửi chứng từ, biên bản bàn giao và biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động về nơi cư trú của bà L để xem xét và ký nhận và trả lại cho Công ty A1 bản, bà L còn hỏi thủ tục để làm cắt bảo hiểm xã hội sớm cho bà L.

Ngày 07/12/2022, Công ty chưa nhận được phản hồi nào từ bà L nên đã ra thông báo gửi cho bà L yêu cầu quay lại Công ty làm việc; ngày 27/12/2022, Công ty chưa nhận được phản hồi từ bà L nên đã ra thông báo lần thứ 2 yêu cầu quay trở lại làm việc (Bà L không ký nhận) nhưng đã nhận qua zalo mà vẫn không có phản hồi nào; ngày 27/12/2022, Công ty có nhận được đơn đề nghị giải quyết chế độ cho người lao động của bà L gửi nhưng Công ty thấy không hợp lý nên không đồng ý.

Ngày 16/02/2023, Công ty nhận được giấy mời từ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T tham gia hòa giải, tại phiên hòa giải bà L không đồng ý theo phương án hòa giải nên phiên hòa giải không thành.

Ngày 18/10/2023, Công ty nhận được văn bản của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên mời tham gia làm việc liên quan đến tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Sau khi làm việc tại Tòa án vào ngày 30/10/2023 thì bà L rút yêu cầu khởi kiện và ngày 16/11/2023, Công ty nhận được Quyết định đình chỉ số 24/2023/QĐST-LĐ ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

Ngày 08/12/2023, Công ty tiếp tục nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 36/TLST-LĐ ngày 21/11/2023 và giấy triệu tập đương sự tham gia làm việc tại Tòa án. Công ty khẳng định chưa cho bà L nghỉ việc nên những yêu cầu theo đơn khởi kiện của bà L là không hợp lý nên không đồng ý.

Từ khi bà L không đến Công ty làm việc từ ngày 01/12/2022, Công ty có gửi văn bản yêu cầu bà L trở lại làm việc nhưng không nhận được phản hồi, Công ty cũng không lập văn bản về việc bà L không đến Công ty làm việc. Vì vậy, Công ty đã cắt bảo hiểm của bà L từ tháng 12/2022 do bà L không đến làm việc đủ 14 ngày/tháng và chính thức cắt bảo hiểm vào ngày 01/01/2023 và chốt sổ bảo hiểm và trả lại ngày 16/02/2023.

Đối với văn bản không ghi ngày tháng năm, ông Choi K Shik giao cho bà L vào ngày 26/11/2022 chỉ là văn bản trao đổi với bà về phương án nghỉ việc của bà L. Công ty chưa ban hành bất kỳ văn bản nào cho bà L nghỉ việc nên bà vẫn là người lao động của Công ty.

Trước khi bà L nghỉ việc thì người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Choi Kyung S cũng đã tìm hiểu về quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động quy định về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì phải báo trước 45 ngày làm việc đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn và có trao đổi với bà L việc này và hai bên thỏa thuận Công ty sẽ trả 45 ngày lương cho bà L. Sau khi trao đổi thì bà L đồng ý bàn giao công việc cho bà Lê Thị V là người Công ty cử ra nhận bàn giao công việc từ bà L, ngày 29/11/2022 lập biên bản bàn giao công việc và các bên cùng ký tên vào biên bản. Bà L đã đồng ý và đã bàn giao công việc và sẽ kết thúc vào ngày 30/11/2022. Sau khi bà L bàn giao công việc vào ngày 30/11/2022, bà L tự ý không lên làm việc tại Công ty N2, Công ty có ban hành các thông báo về việc người lao động nghỉ việc không lý do gửi đến cho bà L nhưng bà L không đến Công ty làm việc cũng như thực hiện các thủ tục thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Căn cứ vào khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động trường hợp của Công ty và bà L là hai bên thỏa thuận chấm

dứt hợp đồng lao động nhưng bà L đã đồng ý nghỉ việc nhưng không đồng ý ký vào biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thì Công ty không thể chấm dứt hợp đồng với bà L theo như quy định tại Điều 34 nêu trên. Trường hợp của bà L vắng mặt hơn 05 ngày làm việc không có lý do vì vẫn còn hợp đồng lao động với Công ty thuộc trường hợp quy định tại điểm e, khoản 1 và khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động, Công ty có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động khi “Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên”.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Choi Kyung S trình bày:* Ông Choi Kyung S là Tổng Giám đốc của Công ty, thống nhất với ý kiến của bị đơn, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Người làm chứng bà Lê Thị T1 trình bày:* Bà Lê Thị T1 là Chủ tịch Công đoàn và kế toán của Công ty S1. Sau buổi làm việc giữa ông Choi Kyung S và bà L vào ngày 26/11/2022 thì bà L đồng ý bàn giao lại công việc, khi bàn giao gần xong thì xảy ra một số vấn đề nên ngày 30/11/2022 Công ty có nhờ bà L bàn giao tiếp nhưng bà L đã tự ý bỏ về không ký biên bản thỏa thuận nghỉ việc giữa bà L và Công ty. Những ngày sau đó, bà T1 có liên lạc với bà L nhưng bà L không quay lại làm việc mà còn thách thức lại Công ty. Văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2022 do bà T1 làm theo chỉ thị của ông S để chốt sổ bảo hiểm cho bà L. Công ty và bà L đã thỏa thuận với nhau về việc bà L sẽ nghỉ việc nên việc bà L khởi kiện Công ty về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là không đúng.

* *Người làm chứng bà Lê Thị V trình bày:* Bà Lê Thị V làm quản lý nhân sự tại Công ty S1; mức lương theo hợp đồng lao động cuối cùng giữa bà L và Công ty trước khi bà L nghỉ việc là 7.978.360 đồng/tháng. Bà V thống nhất với trình bày của bà T1, ngày 30/11/2022 giữa bà L và Công ty đã có 01 buổi làm việc để trao đổi riêng về việc chấm dứt hợp đồng lao động tuy nhiên do không thỏa thuận được nên bà L tự ý bỏ về. Sau buổi làm việc thì công đoàn có đưa ra đề nghị thỏa thuận mời bà L quay lại làm việc nhưng bà L không đồng ý. Ngày 07/12/2022 và ngày 19/12/2022, Công ty có gửi thông báo cho bà L về việc quay lại làm việc nhưng không nhận được phản hồi. Ngày 20/02/2023, Phòng L1 (nay là thành phố) Tân Uyên có triệu tập Công ty đến buổi hòa giải, tại đây bà L có đưa ra 06 yêu cầu Công ty bồi thường cho bà L, nhưng Công ty chỉ đồng ý với 03 yêu cầu đó là: nhận người lao động quay trở lại làm việc; thanh toán tiền thưởng tháng 13 cho bà L; thanh toán số tiền 45 ngày không báo trước còn 03 yêu cầu Công ty không chấp nhận: thanh toán 2,5 tháng không làm việc, Công ty thấy không hợp lý nên không thể chấp nhận; thanh toán 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho bà L. Do không thỏa thuận được các yêu cầu nên buổi hòa giải không thành.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 05/2024/LĐ-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L về việc buộc Công ty S1 phải thanh toán tiền lương tháng 13 với số tiền 10.300.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L yêu cầu bị đơn Công ty S1 nhận trở lại làm việc.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L đối với bị đơn Công ty S1 về việc: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

3.1 Buộc Công ty S1 phải bồi thường cho bà Dương Thị Hồng L tổng số tiền là: 249.973.000 đồng bao gồm các khoản như sau:

+ Tiền lương những ngày bà L không được làm việc từ ngày 01/12/2022 cho đến ngày 19/8/2024 là 20 tháng 20 ngày x 10.300.000 đồng = 213.923.076 đồng;

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương 02 tháng x 10.300.000 đồng = 20.600.000 đồng;

+ Tiền do vi phạm thời gian báo trước 45 ngày không báo trước: 15.450.000 đồng.

3.2 Buộc Công ty Sejin có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Dương Thị Hồng L từ ngày 01/12/2022 cho đến ngày 19/8/2024 với mức lương là 7.978.360 đồng/tháng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà Dương Thị Hồng L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Công ty S1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thanh toán xong.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

4.1 Bà Dương Thị Hồng L được miễn toàn bộ án phí lao động.

4.2 Công ty S1 phải chịu 7.499.190 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 26/8/2024, bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/02/2025, các bên đương sự đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để hai bên đương sự có thời gian thương lượng với nhau. Hội đồng xét xử đã ban hành quyết định tạm ngừng phiên tòa theo yêu cầu của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/02/2025, người đại diện của bị đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ và

đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự, Luật sư và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Bị đơn có trụ sở tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Choi Kyung S có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Những người làm chứng đã có lời khai tại cấp sơ thẩm nên mặc dù vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 282 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị. Do đó, phần quyết định của bản án sơ thẩm: “1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 phải thanh toán tiền lương tháng 13 với số tiền 10.300.000 đồng” và “2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 nhận trở lại làm việc” không bị đương sự kháng cáo và không bị Viện Kiểm sát kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về quan hệ lao động: bà Dương Thị Hồng L và Công ty S1 có ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 15/HDLĐ_08/2020. Mức lương cơ bản là 6.778.360 đồng/tháng và các khoản khác bao gồm: thưởng chuyên cần: 300.000 đồng/tháng; trách nhiệm công việc, phụ cấp: 700.000 đồng/tháng; hỗ trợ điện thoại: 300.000 đồng/tháng; hỗ trợ xăng xe: 300.000 đồng/tháng; phụ cấp độc hại: 200.000 đồng/tháng; hỗ trợ nhà ở: 300.000 đồng/tháng; hỗ trợ nuôi con: 200.000 đồng/tháng và hỗ trợ cơm: 25.000 đồng/ngày.

[6] Ngày 26/11/2022, ông Choi Kyung S, là người đại diện pháp luật của Công ty gửi văn bản thông báo cho bà L biết thời điểm chấm dứt hợp đồng vào ngày 30/11/2022. Thực hiện nội dung thông báo nêu trên, ngày 29/11/2022, bà L đã đến Công ty bàn giao công việc theo biên bản bàn giao công việc giữa bên giao là bà Dương Thị Hồng L, bên nhận bàn giao là bà Lê Thị V có chứng kiến

của ông Choi Kyung S. Đầu tháng 12/2022, Công ty đã báo giảm nộp bảo hiểm xã hội cho bà L. Như vậy, việc cho bà L thôi việc đã được thực hiện xong. Văn bản do ông C Kyung Shik gửi cho bà L vào ngày 26/11/2022 có nội dung quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, quyết định chấm dứt hợp đồng lao động này không có căn cứ theo các quy định tại Điều 34, Điều 36 và 39 Bộ luật Lao động năm 2019 nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là đúng.

[7] Sau khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, ngày 07/12/2022 và ngày 19/12/2022, Công ty đã gửi Thông báo số SJS/122022-01 và SJS/122022-02 cho bà L, trong đó có nội dung: “Trường hợp 1: Nếu người lao động đồng ý thỏa thuận giữa hai bên, vui lòng ký xác nhận vào danh sách và gửi lại công ty một bản, chúng tôi sẽ hoàn tất thủ tục quyết toán theo như thỏa thuận với người lao động; trường hợp 2: Nếu người lao động không đồng ý với thỏa thuận trên vui lòng quay trở lại tiếp tục làm việc bình thường theo như hợp đồng đã ký 15/HDLĐ-08/2020 ngày 07/8/2020 và hợp đồng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng không có hiệu lực”. Theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2019, mỗi bên đều có quyền hủy bỏ việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước khi hết thời hạn báo trước nhưng phải thông báo bằng văn bản và phải được bên kia đồng ý. Đối chiếu quy định trên thì thấy rằng, mặc dù Công ty có khắc phục sai sót trong việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không được bà L đồng ý nên việc hủy bỏ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty không có hiệu lực.

[8] Về mức lương làm căn cứ bồi thường: Hợp đồng lao động số: 15/HDLĐ_08/2020 quy định mức lương chính: 6.778.360 đồng/tháng. Các khoản khác bao gồm: thưởng chuyên cần, trách nhiệm công việc, hỗ trợ điện thoại, hỗ trợ xăng xe, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ nuôi con và hỗ trợ cơm là các khoản hỗ trợ, không phải là phụ cấp gắn liền công việc. Các khoản hỗ trợ này chỉ có thể tính được khi người lao động trực tiếp tham gia lao động, mới xác định được tính chuyên cần, tinh thần trách nhiệm và các nhu cầu ăn, ở, đi lại và liên lạc. Căn cứ vào xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội, mức lương tham gia bảo hiểm của bà L thời gian gần nhất với mức đóng 7.978.360 đồng/tháng được xác định là mức lương phải bồi thường là phù hợp với tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án đã thu thập được. Kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần về mức lương tính các khoản bồi thường.

[9] Các khoản bồi thường: Theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt trái pháp luật thì phải bồi thường cho người lao động các khoản sau:

+ Tiền lương những ngày bà L không được làm việc từ ngày 01/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (19/8/2024): 20 tháng 19 ngày x 7.978.360 đồng/tháng = 164.476.960 đồng;

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương: 02 tháng x 7.978.360 đồng/tháng = 15.956.720 đồng;

+ Khoản tiền do vi phạm thời gian báo trước tương ứng với tiền lương theo hợp đồng lao động trong những ngày không báo trước: 41 ngày : 306.860 đồng/ngày x 41 ngày = 12.581.260 đồng.

Cộng các khoản: 193.014.940 đồng.

Ngoài ra, xét thấy phải buộc Công ty Sejin phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Dương Thị Hồng L từ ngày 01/12/2022 đến ngày 19/8/2024 với mức lương là 7.978.360 đồng, trong đó phần nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội của người lao động được trích ra từ khoản tiền Công ty Sejin bồi thường nêu trên.

[10] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa về việc xác định bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, về mức lương tính các khoản bồi thường như phân tích nêu trên cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Nguyên đơn được miễn án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn, nhưng không phải chịu án phí phúc thẩm do bản án sơ thẩm được sửa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 282, Điều 293, khoản 2 Điều 296 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 34, 36, 38, 39 và 41 Bộ luật Lao động năm 2019.
Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 05/2024/LĐ-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị Hồng L như sau:

- Tuyên bố hành vi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 thông báo cho bà Dương Thị Hồng L về “công việc chính thức sẽ được kết thúc cho đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2022” là hành vi đơn chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 phải bồi thường cho bà Dương Thị Hồng L các khoản với tổng số tiền: 193.014.940 đồng.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Dương Thị Hồng L từ ngày 01/12/2022 đến ngày 19/8/2024 với mức lương 7.978.360 đồng/tháng. Công ty

Trách nhiệm hữu hạn S1 có quyền trích từ khoản tiền bồi thường nêu trên để đóng phần nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Phần quyết định của bản án sơ thẩm: “1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 phải thanh toán tiền lương tháng 13 với số tiền 10.300.000 đồng” và “2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 nhận trở lại làm việc” không bị đương sự kháng cáo và không bị Viện Kiểm sát kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 phải chịu 5.790.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 không phải chịu và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 004521 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Lực